TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1099/2017/DS-PT
Ngày: 05-12-2017
V/v: "Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Loan

Các Thẩm phán:

1. Bà Phạm Thị Thu Phương

2. Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Anh Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (số 26 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 375/2017/TLPT- DS ngày 08 tháng 9 năm 2017 về "Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 328/2017/DSST ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2389/2017/QĐ-PT ngày 23 tháng 10 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1328/2017/QĐPT-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Vũ Thị Kim D - sinh năm 1988
Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tạm trú: Đường D, Phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Đoàn Văn H - sinh năm 1981
Địa chỉ: tỉnh Nam Định.
Tạm trú: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Ông Nguyễn Văn Q – Luật sư Văn phòng Luật sư Bình Tân thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu

Địa chỉ: số 442 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do ông Nguyễn Ngọc An - sinh năm 1985 trú tại Lầu 8, Tòa nhà ACB Tower (số 444A- 446 đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh làm đại diện. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

(Văn bản ủy quyền ngày 10.7.2017).

2. Bà Trần Thị L - sinh năm 1954

Địa chỉ: tỉnh Nam Định.

Bà Liên ủy quyền cho ông Đinh Văn H - sinh năm 1985; Đường H, Phường I, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh làm đại diện. (có mặt)

(Văn bản ủy quyền ngày 26.7.2017)

3. Ông Đoàn Văn H1 - sinh năm 1984

Địa chỉ: tỉnh Nam Định.

Ông H ủy quyền cho ông Đinh Văn H - sinh năm 1985; trú tại Đường H, Phường I, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh làm đại diện. (có mặt)

(Văn bản ủy quyền ngày 26.7.2017)

4. Bà Đoàn Thị H - sinh năm 1979

Địa chỉ: Đường K, Phường L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

5. Bà Vũ Thị C - sinh năm 1977

Địa chỉ: Thành phố Hà Nội. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

6. Bà Vũ Thị G - sinh năm: 1976

Địa chỉ: tỉnh Quảng Ninh. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 5 năm 2016 và trong quá trình tố tụng, bà Vũ Thị Kim D - nguyên đơn trình bày:

Năm 2016, bà D và ông Đoàn Văn H ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 332/2016/QĐST-HNGĐ ngày 28.4.2016 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, phần tài sản chung các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, do không thỏa thuận được nên bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn Vũ Thị Kim D và bị đơn Đoàn Văn H xác định:

- Tài sản chung là 01 căn nhà cấp 4 tọa lạc tại số Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường đo vẽ và ký ngày 01.11.2016 (số hợp đồng: 102117/CN HM-CC). Ngày 09.5.2017, Hội đồng định giá xác định căn

nhà nói trên có giá trị là 1.477.718.683 (một tỷ bốn trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm mười tám nghìn sáu trăm tám mươi ba) đồng.

- Nợ chung bao gồm:

+ Nợ ông Đoàn Văn H 410.000.000 (bốn trăm mười triệu) đồng và 14 (mười bốn) chỉ vàng tương đương 40.060.000 (bốn mươi triệu không trăm sáu mươi nghìn) đồng,

+ Nợ bà Trần Thị L 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng,

+ Nợ bà Đoàn Thị H 9.500.000 (chín triệu năm trăm nghìn) đồng,

+ Nợ bà Vũ Thị Gấm 21.000.000 (hai mươi mốt triệu) đồng,

+ Nợ bà Vũ Thị C 5.000.000 (năm triệu) đồng,

+ Nợ Ngân hàng TMCP Á Châu (theo Hợp đồng cấp tín dụng số KDO.CN.263.050815 ngày 06.8.2015) số tiền vốn và lãi (tạm tính đến ngày 07.7.2017) là 137.865.341 (một trăm ba mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi mốt) đồng.

Nguyên đơn bà Vũ Thị Kim D tự nguyện mua lại căn nhà với giá 1.800.000.000 (một tỷ tám trăm triệu) đồng đồng thời sẽ trả toàn bộ các khoản nợ nói trên; số tiền còn lại bà sẽ giao cho ông H ½. Ngoài ra, từ tháng 5.2016 đến tháng 7.2017 bà D đã trả cho Ngân hàng TMCP Á Châu số tiền là 26.487.174 (hai mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn một trăm bảy mươi bốn) đồng nên yêu cầu ông H phải trả cho bà ½ tương đương với số tiền là 13.243.587 (mười ba triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm tám mươi bảy) đồng.

Bà D không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của ông Đoàn Văn Hiếu và bà Trần Thị L.

Bị đơn ông Đoàn Văn H không đồng ý yêu cầu mua nhà của bà D mà đề nghị được mua lại nhà với giá 1.600.000.000 (một tỷ sáu trăm triệu) đồng đồng thời đồng ý trả lãi theo yêu cầu của ông Đoàn Văn H và bà Trần Thị L.

Ông Đoàn Văn H và bà Trần Thị L (do ông Đinh Văn H làm đại diện) yêu cầu bà D và ông H trả số nợ vốn đã nhận đồng thời trả lãi theo mức lãi suất cơ bản của ngân hàng (tính từ ngày 07.01.2013 đến ngày 05.6.2017) là 198.750.000 (một trăm chín mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Bà Đoàn Thị H, bà Vũ Thị C và bà Vũ Thị G yêu cầu bà D và ông H trả số nợ vốn đã nhận, không yêu cầu trả lãi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 328/2017/DSST ngày 25 tháng 7 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã quyết định:

Giao Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 626 - tờ bản đồ số 69 diện tích 51.8m^2 (trên đất có căn nhà Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh) cho bà Vũ Thị Kim D quản lý, sử dụng.

Bà D có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Á Châu số tiền tạm tính đến ngày 07.7.2017 là 137.865.341 (một trăm ba mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi lăm ngàn ba trăm bốn mươi mốt) đồng (theo Hợp đồng cấp tín dụng số KDO.CN.263.050815 ngày 06.8.2015) và khoản tiền lãi phát sinh tính từ ngày 07.7.2017 cho đến khi trả hết số nợ vốn theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Sau khi bà D thanh toán xong toàn bộ khoản nợ lãi và gốc, Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm trả lại cho bà D bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BQ 528765 (số vào sổ cấp GCN: CH 01400) do Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn cấp cho bà Vũ Thị Kim Dung và ông Đoàn Văn Hiểu ngày 31.10.2013.

Bà D có trách nhiệm trả cho ông Đoàn Văn H 450.060.000 (bốn trăm năm mươi triệu không trăm sáu mươi nghìn) đồng, trả cho bà Trần Thị L 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, trả cho bà Đoàn Thị H 9.500.000 (chín triệu năm trăm nghìn) đồng, trả cho bà Vũ Thị và bà Vũ Thị C 26.000.000 (hai mươi sáu triệu) đồng và giao cho ông Đoàn Văn H số tiền 568.037.329 (năm trăm sáu mươi tám triệu không trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm hai mươi chín) đồng. Thi hành tại Chi cục thi hành án có thẩm quyền trong thời hạn 01(một) tháng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Đoàn Văn H có trách nhiệm trả cho bà D 13.243.587 (mười ba triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm tám mươi bảy) đồng và giao nhà, đất tại địa chỉ số $17/7^D$ ấp Đông 1, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn cho bà D sử dụng sau khi nhận số tiền 568.037.329 (năm trăm sáu mươi tám triệu không trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm hai mươi chín) đồng từ bà D. Thi hành tại Chi cục thi hành án có thẩm quyền trong thời hạn 01 (một) tháng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi thi hành xong các khoản tiền nói trên, bà D được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục đứng tên (tài sản riêng) trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 626 - tờ bản đồ số 69, diện tích 51.8m^2 (trên đất có căn nhà Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh).

Quá thời hạn nêu trên, nếu bà D không thực hiện được các quyền và nghĩa vụ thì ông H và bà D có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản là nhà đất tại địa chỉ Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, thứ tự thanh toán như sau: trả vốn và lãi cho Ngân hàng TMCP Á Châu, trả cho ông Đoàn Văn H, trả cho bà Trần Thị L, trả cho bà Đoàn Thị H, trả cho bà Vũ Thị G và bà Vũ Thị C. Số tiền còn lại ông Hiểu được nhận ½ và bà D được nhận ½.

Sau khi được nhận ½ số tiền, ông Hiểu phải trả cho bà D 13.243.587 (mười ba triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm tám mươi bảy) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm :

- Bà Vũ Thị Kim D phải chịu là 57.651.307 (năm mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi mốt nghìn ba trăm lẻ bảy) đồng nhưng được cấn trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 17.910.000 (mười bảy triệu chín trăm mười nghìn) đồng theo biên lai thu số 0009214 ngày 14.6.2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Bà D phải nộp thêm số tiền là 39.741.307 (ba mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi mốt nghìn ba trăm lẻ bảy) đồng.

- Ông Đoàn Văn H phải chịu 57.651.307 (năm mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi mốt nghìn ba trăm lẻ bảy) đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02.8.2017, bị đơn ông Đoàn Văn H kháng cáo cho rằng khi chia tài sản chung của vợ chồng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét nguyên nhân dẫn đến ly hôn đồng thời không xem xét nhu cầu tiếp tục quản lý, sử dụng nhà là chưa đảm bảo quyền lợi cho ông. Ngoài ra, khi giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Hộ kinh doanh cá thể cầm đồ Tiến T (do ông làm chủ) vào tham gia tố tụng nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 02.8.2017, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L và ông Đoàn Văn H1 (do ông Đinh Văn H làm đại diện) kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không buộc nguyên đơn và bị đơn phải trả lãi như đã cam kết là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L và ông H.

Ngày 03.8.2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn ban hành Quyết định số 02/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị phúc thẩm đề nghị sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 328/2017/DSST ngày 25.7.2017 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đối với phần án phí sơ thẩm, cụ thể: Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà D và ông H có trách nhiệm trả các khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân cho ông H, bà L, bà H, bà G, bà C và Ngân hàng TMCP Á Châu với số tiền tổng cộng là 673.425.341 (sáu trăm bảy mươi ba triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi mốt) đồng. Như vậy, mỗi người có nghĩa vụ thanh toán ½ trên tổng số nợ nói trên nên theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13.6.2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lệ phí, án phí Tòa án thì ông H và bà D mỗi người chỉ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản mà họ có nghĩa vụ đối với người có yêu cầu độc lập. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H và bà D mỗi người phải chịu toàn bộ án phí trên tổng số tiền phải trả là ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn không rút Đơn khởi kiện, không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông Đoàn Văn H, ông Đoàn Văn H và bà Trần Thị L đồng thời đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không rút kháng nghị. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

- Luật sư bảo vệ quyền lợi của bị đơn và bị đơn ông Đoàn Văn H rút một phần kháng cáo, cụ thể: không yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét đến nhu cầu sử dụng nhà để kinh doanh dịch vụ cầm đồ của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao nhà cho bị đơn tiếp tục quản lý, sử dụng. Bị đơn đồng ý mua lại căn nhà bằng với giá bà D đã mua là 1.800.000.000 (một tỷ tám trăm triệu) đồng, đồng ý trả các khoản nợ chung và giao lại cho bà D số tiền là 568.037.329 (năm trăm sáu mươi tám triệu không trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm hai mươi chín) đồng. Ngoài ra, bị đơn còn đồng ý trả lãi theo yêu cầu kháng cáo của ông Đoàn Văn H và bà Trần Thị L.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L và ông Đoàn Văn H (do ông Đinh Văn H làm đại diện) đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm buộc bà D và ông H phải trả cho ông H và bà L số tiền lãi tổng cộng là 198.750.000 (một trăm chín mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng (trong đó trả lãi cho ông Hiếu 178.875.000 đồng và trả lãi cho bà L 19.875.000 đồng).

- Về nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, bà D và ông H không có ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng nguyên tắc xét xử, đảm bảo cho các bên đương sự được phát biểu ý kiến, trình bày quan điểm và tranh luận; các đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

- Về hình thức đơn kháng cáo và kháng nghị: Đơn kháng cáo của ông Đoàn Văn H, ông Đoàn Văn H, bà Trần Thị L và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn còn trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

- Về nội dung kháng cáo:

+ Đối với kháng cáo của bị đơn ông Đoàn Văn H: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đoàn Văn H đề nghị mua lại căn nhà với giá 1.800.000.000 (một tỷ tám trăm triệu) đồng; tuy nhiên, hiện bà D là người đang trực tiếp nuôi con chung, việc bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em là cần thiết. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định cho bà D được ưu tiên nhận nhà và giao trả cho ông Hiếu ½ giá trị còn lại (sau khi trừ đi các khoản nợ chung) là hợp tình hợp lý nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

+ Đối với kháng cáo của bà Trần Thị L và ông Đoàn Văn H (do ông Đinh Văn H làm đại diện): Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa phúc thẩm ông H, bà D và ông H đều xác định khi giao tiền cho ông H và bà D cũng như khi xác nhận nợ các bên không thỏa thuận trả lãi, cũng không xác định thời điểm trả nợ nên Tòa án cấp sơ thẩm không buộc ông H và bà D phải trả lãi cho ông H và bà

L là có cơ sở. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông H đồng ý trả lãi theo yêu cầu kháng cáo của ông H và bà L nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận, chấp nhận một phần kháng cáo của ông H và bà L, sửa bản án sơ thẩm về nội dung này.

- Về nội dung kháng nghị: Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H và bà D mỗi người phải chịu toàn bộ án phí trên tổng số tiền phải trả cho những người liên quan có yêu cầu độc lập là không phù hợp điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13.6.2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lệ phí, án phí Tòa án đồng thời gây ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự nên đề nghị sửa bản án sơ thẩm về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm của bà Dung và ông Hiếu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của các đương sự Đoàn Văn H, Đoàn Văn H, Trần Thị L và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn còn trong hạn luật định nên chấp nhận.

[2]. Về nội dung kháng cáo, kháng nghị:

- Xét kháng cáo của ông Đoàn Văn H, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, bà D và ông H xác định căn nhà Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (gắn liền với phần đất tại thửa số 626 - tờ bản đồ số 69 diện tích 51.8m^2) là tài sản được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, căn nhà nói trên đã được Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn cấp cho bà Vũ Thị Kim D và ông Đoàn Văn H ngày 31.10.2013. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 33 và Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình xác định đây là tài sản chung của vợ chồng là có căn cứ và hợp pháp.

Theo biên bản ngày 09.5.2017, Hội đồng định giá đã xác định căn nhà nói trên có giá trị là 1.477.718.683 (một tỷ bốn trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm mười tám nghìn sáu trăm tám mươi ba) đồng, hiện nay căn nhà do ông Htrực tiếp quản lý, sử dụng và kinh doanh dịch vụ cầm đồ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H và bà D đều đề nghị được ưu tiên mua căn nhà Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 1.800.000.000 (một tỷ tám trăm triệu) đồng. Xét thấy, ông H kháng cáo và trình bày tại phiên tòa cho rằng khi quyết định cho bà D được ưu tiên mua nhà, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đến nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn là do bà D ngoại tình nhưng trong hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện có sự việc này. Mặt khác, tuy ông H và bà D đều có nhu cầu sử dụng căn nhà nói trên nhưng căn cứ Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 332/2016/QĐST-HNGĐ ngày 28.4.2016 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn thì bà D là người trực tiếp nuôi con chung Đoàn Trâm A – sinh

ngày 11.11.2012, nếu chấp nhận đề nghị của ông H được ưu tiên mua lại căn nhà để tiếp tục kinh doanh dịch vụ cầm đồ sẽ gây ảnh hưởng đến điều kiện sống của bà D và con chưa thành niên vì hiện tại bà D đang phải thuê nhà để ở, đồng thời không đảm bảo sự ổn định trong việc học tập của con nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đề nghị được ưu tiên mua nhà của bà D và chia cho bà Dung, ông H mỗi bên được ½ giá trị tài sản chung (sau khi trừ đi các khoản nợ chung) là phù hợp quy định tại khoản 5 Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình và phù hợp với điểm c, d khoản 4 và khoản 6 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06.01.2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, kháng cáo của ông Hiếu và đề nghị của người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn H và bà Trần Thị L (do ông Đinh Văn H làm đại diện) kháng cáo yêu cầu nguyên đơn và bị đơn phải thanh toán khoản tiền lãi là 198.750.000 (một trăm chín mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng (theo Bảng chiết tính lãi chậm thanh toán lập ngày 06.6.2017 thì số tiền lãi ông H yêu cầu ông H và bà D trả cho ông H là 178.875.000 đồng và trả lãi cho bà L 19.875.000 đồng), Hội đồng xét xử xét thấy: Tại biên bản ngày 11.12.2015, bà D và ông H xác nhận có nợ của Ngân hàng và một số cá nhân khác trong đó có nợ ông H số tiền và vàng (quy ra tiền) tổng cộng là 450.060.000 (bốn trăm năm mươi triệu không trăm sáu mươi nghìn) đồng và nợ bà L số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Tại phiên tòa, các bên thừa nhận số nợ trên không có giấy biên nhận cũng không thỏa thuận với nhau việc trả lãi; đến khi lập biên bản tái xác nhận nợ ngày 11.12.2015 cũng không ai đề cập đến vấn đề này đồng thời không thỏa thuận với nhau thời điểm trả nợ nên không thể cho rằng ông H và bà D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải trả lãi. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H và bà L; tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông H đồng ý trả lãi theo yêu cầu của bà L và ông H, xét thấy đây là sự tự nguyện của ông H, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông H, ông H và bà L là có cơ sở.

- Về kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn đối với phần án phí của Bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H và bà D xác nhận có nợ ông H, bà L, bà H, bà G, bà Chuyên và Ngân hàng TMCP Á Châu số tiền tổng cộng là 673.425.341 (sáu trăm bảy mươi ba triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi mốt) đồng, đây là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên mỗi người phải có trách nhiệm trả ½ trên tổng số nợ nói trên. Căn cứ theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13.6.2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp

luật về lệ phí, án phí tòa án thì ông H và bà D mỗi người phải chịu án phí cho nghĩa vụ trả nợ là 16.835.634 (mười sáu triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm ba mươi bốn) đồng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H và bà D mỗi người phải chịu toàn bộ số tiền án phí là 30.929.814 (ba mươi triệu chín trăm hai mươi chín nghìn tám trăm mười bốn) đồng là không đúng và gây thiệt hại đến quyền lợi của đương sự. Do đó, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp nên chấp nhận.

Riêng trong đơn kháng cáo ông H còn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Hộ kinh doanh cá thể cầm đồ Tiến T (do ông làm chủ) vào tham gia tố tụng là vi phạm thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy ông H đang là bị đơn trong vụ án, là người đang quản lý, sử dụng, trực tiếp kinh doanh cầm đồ tại địa chỉ Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh nên việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Hộ kinh doanh cá thể cầm đồ Tiến T vào tham gia tố tụng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông H đã rút lại yêu cầu hủy bản án sơ thẩm nên nội dung kháng cáo này Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập (ông H, bà L, bà H, bà G, bà C và Ngân hàng TMCP Á Châu) đóng tạm ứng án phí là có thiếu sót. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm trong vụ án này khi phải thanh toán các khoản nợ đối với những người có quyền và nghĩa vụ liên quan thuộc về ông H và bà D nên vi phạm nói trên của Tòa án cấp sơ thẩm không làm thay đổi nội dung vụ án đồng thời không làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của các bên đương sự nên không cần thiết phải hủy án sơ thẩm.

Đối với sự tự nguyện của ông H về việc trả lãi theo yêu cầu của ông Hiếu và bà L, Hội đồng xét xử xét thấy trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm ông Hiếu đều thể hiện ý chí của mình là đồng ý trả lãi. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không ghi nhận là gây ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H và bà L; bên cạnh đó, Tòa án cấp sơ thẩm không buộc ông H và bà L phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần yêu cầu bà D trả lãi nhưng không được Hội đồng xét xử chấp nhận là không đúng với quy định tại Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 quy định về lệ phí, án phí Tòa án đồng thời gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước. Đây là thiếu sót cần rút kinh nghiệm.

[3]. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Sửa một phần án phí của bản án sơ thẩm theo đề nghị của kháng nghị của Viện Kiểm sát đồng thời buộc ông Đoàn Văn H và bà Trần Thị L phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền lãi yêu cầu bà Dung phải trả nhưng không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Án phí phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần Bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là ông Đoàn Văn H, ông Đoàn Văn H và bà Trần Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 33, Điều 37, Điều 59 và Điều 60 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 quy định về lệ phí, án phí Tòa án và Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13.6.2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lệ phí, án phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đoàn Văn H, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đoàn Văn H1 và bà Trần Thị L. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn.

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 328/2017/DSST ngày 25.7.2017 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Kim D.

- Giao Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 626, tờ bản đồ số 69 diện tích 51.8m^2 (trên đất có căn nhà Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh) cho bà Vũ Thị Kim D quản lý, sử dụng.

- Bà D có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Á Châu số tiền (tạm tính đến ngày 07.7.2017) là 137.865.341 (một trăm ba mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi mốt) đồng và khoản tiền lãi phát sinh tính từ ngày 08.7.2017 cho đến khi trả hết số nợ vốn theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng cấp tín dụng số KDO.CN.263.050815 ngày 06.8.2015.

Sau khi bà D thanh toán xong toàn bộ khoản nợ lãi và vốn, Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm trả lại cho bà D bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BQ 528765 (số vào sổ cấp GCN: CH 01400) do Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn cấp cho bà Vũ Thị Kim Dung và ông Đoàn Văn H ngày 31.10.2013.

- Bà Dung có trách nhiệm trả cho ông Đoàn Văn H1 450.060.000 (bốn trăm năm mươi triệu không trăm sáu mươi nghìn) đồng, trả cho bà Trần Thị L 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, trả cho bà Đoàn Thị H 9.500.000 (chín triệu năm trăm nghìn) đồng, trả cho bà Vũ Thị G 21.000.000 (hai mươi mốt triệu) đồng, trả cho bà Vũ Thị C 5.000.000 (năm triệu) đồng và giao cho ông Đoàn Văn H số tiền là 563.287.329 (năm trăm sáu mươi ba triệu hai trăm tám mươi

bảy nghìn ba trăm hai mươi chín) đồng. Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền trong thời hạn 01(một) tháng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông H1, bà L, bà H, bà G, bà C và ông H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà D không thi hành khoản tiền nêu trên thì phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; mức lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Ông Đoàn Văn H có trách nhiệm trả cho bà D 13.243.587 (mười ba triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm tám mươi bảy) đồng đồng thời giao nhà, đất tại địa chỉ Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà D quản lý, sử dụng. Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền trong thời hạn 01(một) tháng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Hiểu không thi hành khoản tiền nêu trên thì phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; mức lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Sau khi thi hành xong các khoản tiền nói trên, bà D được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục đứng tên (tài sản riêng) trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 626, tờ bản đồ số 69, diện tích 51.8m^2 (trên đất có căn nhà Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Trường hợp bà D không thực hiện các quyền và nghĩa vụ nêu trên thì ông H và bà D có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản là nhà đất tại địa chỉ Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh để thanh toán nợ theo thứ tự: trả cho Ngân hàng TMCP Á Châu, trả cho ông Đoàn Văn H, trả cho bà Trần Thị L, trả cho bà Đoàn Thị H, trả cho bà Vũ Thị G và trả cho bà Vũ Thị C. Số tiền còn lại ông H được nhận ½ (một phần hai) và bà D được nhận ½ (một phần hai).

Sau khi được nhận ½ (một phần hai) số tiền, ông H phải trả cho bà D 13.243.587 (mười ba triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm tám mươi bảy) đồng.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đoàn Văn H:

Ông H trả cho bà Trần Thị L số tiền là 9.937.500 (chín triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm) đồng và trả cho ông Đoàn Văn H số tiền là 89.437.500 (tám mươi chín triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm) đồng. Thi hành khi án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà L, ông H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Hiểu không thi hành khoản tiền nêu trên thì phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả

tương ứng với thời gian chậm trả; mức lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Vũ Thị Kim D phải chịu là 43.367.127 (bốn mươi ba triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm hai mươi bảy) đồng, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.910.000 (mười bảy triệu chín trăm mười nghìn) đồng theo biên lai thu số AB/2014/0009214 ngày 14.6.2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Bà D còn phải nộp thêm số tiền là 25.457.127 (hai mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn một trăm hai mươi bảy) đồng.

- Ông Đoàn Văn H phải chịu là 43.367.127 (bốn mươi ba triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm hai mươi bảy) đồng.

- Bà Trần Thị L phải chịu 496.900 (bốn trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm) đồng.

- Ông Đoàn Văn H1 phải chịu 4.472.000 (bốn triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn) đồng.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đoàn Văn H, ông Đoàn Văn H1 và bà Trần Thị L không phải chịu.

Hoàn tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ông Đoàn Văn H là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2016/0032539 ngày 07.8.2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Hoàn tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ông Đoàn Văn H1 và bà Trần Thị L (do ông Đinh Văn H làm đại diện) mỗi người là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo các biên lai số AA/2016/0032540 ngày 07.8.2017 và AA/2016/0032588 ngày 29.8.2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND Cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- TAND huyện Hóc Môn;
- Chi Cục THADS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Bích Loan